**1. CẤU TRÚC CÂU TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN**

SENTENCE STRUCTURE FROM THE PERSPECTIVE OF COGNITIVE LINGUISTICS

**Nguyễn Văn Hiệp[[1]](#footnote-1)**

**Tóm tắt:** Bài viết áp dụng các khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận để chỉ ra cấu trúc ý niệm với tư cách là cơ sở cho cấu trúc cú pháp của câu, với định hướng vươn đến thỏa đáng giải thích trong miêu tả ngữ pháp. Với những ngữ liệu được dẫn từ tiếng Anh và tiếng Việt, bài báo khẳng định năng lực giải thích của ngôn ngữ học tri nhận, trào lưu đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học hiện nay.

**Từ khóa:** cấu trúc cú pháp, cấu trúc ý niệm, ngôn ngữ học tri nhận, cách giải thích, phối cảnh, đưa ra cận cảnh, neo kết, lấy hình, tương quan hình-nền, nòng cốt câu, thành phần phụ của câu

**Abstract:** The paper applies the basic concepts of cognitive linguistics to show the conceptual structure as the basis for the syntactic structure of sentences, in the orientation of explanatory adequacy in grammatical descriptions. With the materials quoted from English and Vietnamese, the paper proves the explanatory capacity of cognitive linguistics, a trend that is attracting the attention of many linguistic researchers today.

**Keywords:** syntactic structure, conceptual structure, Cognitive Linguistics, construal, perspective, foregrounding, grounding, profiling, figure-ground, nuclear of sentence, secondary components of sentences

**2. Thành ngữ tiếng Anh là cụm từ hay câu?**

*(Are English Idioms Phrases or Sentences?)*

**Đặng Ngọc Hướng[[2]](#footnote-2)**

**Abstract:** This article is concerned with the ways of defining what an English idiom is. Some definitions refer to English idioms as a set sequence of words. Some others state that English idioms are phrases or sentences. By interpreting, analyzing and comparing the definitions of *phrase*, *sentence* and *idiom* collected in a number of dictionaries of the English language, English-Vietnamese dictionary, English idioms dictionaries and grammar books, the writer assumes that a phrase or sentence in English might be an idiom , but an English idiom is not a phrase or sentence.

**Key words**:definition, idiom, sequence (group) of words, phrase, dictionary, grammar, sentence, English

**Tóm tắt:** Bài viết dưới đây bàn về một số quan điểm thế nào là thành ngữ tiếng Anh. Một số tác giả cho rằng thành ngữ tiếng Anh là một tập hợp từ cố định. Một số khác lại cho rằng thành ngữ là một cụm từ hay câu. Thông qua lý giải, phân tích và so sánh giữa các định nghĩa về *cụm từ,* *câu* và *thành ngữ* thu thập trong một số từ điển Anh-Anh, Anh-Việt, từ điển thành ngữ tiếng Anh và một số sách ngữ pháp, người viết cho rằng cụm từ hay câu tiếng Anh có thể là thành ngữ nhưng thành ngữ tiếng Anh không phải là cụm từ hoặc câu.

***Từ khóa****:* định nghĩa, thành ngữ, tập hợp từ, cụm từ (ngữ), từ điển, ngữ pháp, câu, tiếng Anh

**Abstract:** This article is concerned with the ways of defining what an English idiom is. Some definitions refer to English idioms as a set sequence of words. Some others state that English idioms are phrases or sentences. By interpreting, analyzing and comparing the definitions of *phrase*, *sentence* and *idiom* collected in a number of dictionaries of the English language, English-Vietnamese dictionary, English idioms dictionaries and grammar books, the writer assumes that a phrase or sentence in English might be an idiom, but an English idiom is not a phrase or sentence.

**Keywords:** definition, idiom, group of words, phrase, dictionary, grammar, sentence, English, assume

**3. ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HOÁ CỦA NGỮ CỐ ĐỊNH CHỈ TỐC ĐỘ CHẬM TRONG TIẾNG ANH**

(SOCIAL-CULTURAL FEATURES OF LOW-SPEED SET EXPRESSIONS IN ENGLISH)

***Hoàng Tuyết Minh[[3]](#footnote-3)***

***Tóm tắt***: Bài báo này nhằm chỉ ra những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của các ngữ cố định chỉ tốc độ chậm trong tiếng Anh. Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp miêu tả nhằm miêu tả các đặc trưng văn hoá - xã hội của các ngữ chỉ tốc độ chậm trong tiếng Anh. Ngữ liệu nghiên cứu gồm 51 ngữ cố định chỉ tốc độ chậm tiếng Anh được thu thập từ các từ điển đơn ngữ, song ngữ, từ điển thành ngữ tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngữ cố định chỉ tốc độ chậm trong tiếng Anh mang các đặc trưng văn hoá và xã hội phong phú về các phạm trù; về các biểu hiện ngôn ngữ và văn hoá; và giàu sắc thái nghĩa biểu thị tốc độ chậm. Kết quả nghiên cứu phần nào đó giúp người sử dụng ngữ cố định chỉ tốc độ chậm tiếng Anh trong cuộc sống hàng ngày dễ dàng hơn, tránh được những cú sốc về văn hoá; đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng giúp cho quá trình dạy-học tiếng Anh như một ngoại ngữ hiệu quả hơn.

**Từ khoá:** *tốc độ chậm; ngữ cố định tiếng Anh; đặc trưng văn hoá - xã hội; phạm trù, biểu hiện.*

**Abstract:** This article attempts to find out the social-cultural features of slow-speed set expressions in English. Descriptive method is used to indicate the features of slow-speed set expressions in English. 51 data denoting slow-speed in English were collected from English monolingual, bilingual and idiomatic dictionaries. The results show the slow-speed set expressions in English are very plenty and vivid in cultural categories, language expressions and aspects of meaning indicating slow-speed. The values of the study are, to some extend, that it can be helpful not only for foreign language users avoiding cultural shocks in veryday conversation, but also for teachers and learners in the process of teaching and learning English as a foreign language effectively.

**Keywords:** *slow-speed; set expressions in English; socio-cultural features; categories; expressions.*

**4. BÀN VỀ NHỮNG PHƯƠNG THỨC XÂY DỰNG THUẬT NGỮ THÔNG TIN – THƯ VIỆN TIẾNG VIỆT METHODS TO FORM VIETNAMESE LIBRARY AND INFORMATION TERMS**

***Nguyễn Thị Thanh Hải[[4]](#footnote-4)***

**Tóm tắt:** Bài viết tìm hiểu về các phương thức tạo lập thuật ngữ thông tin – thư viện tiếng Việt. dựa trên ngữ liệu là các thuật ngữ tổng hợp trong từ điển. Thông qua việc khảo sát nguồn ngữ liệu thu được và trên cơ sở tổng kết về mặt lý luận các con đường hình thành thuật ngữ tiếng Việt, chúng tôi xác định thuật ngữ thông tin – thư viện tiếng Việt được tạo lập từ các phương thức cơ bản đó là thuật ngữ hóa thuật ngữ thông thường, vay mượn thuật ngữ nước ngoài và dựa trên cơ sở ngữ liệu vốn có trên cơ sở sao phỏng thuật ngữ nước ngoài.

**Từ khóa:** thuật ngữ thông tin – thư viện, vay mượn, phiên âm, sao phỏng, nguyên dạng

**Abstract:** This article is aimed at exploring how Vietnamese library and information terms are formed based on collection of terms from bilingual dictionaries. On the basic of theoretical review and the results of the survey, it can be seen that Vietnamese library and information terms are formed by the following methods, that is terminologization of common terms, borrowing of foreign terms and reproduction of foreign terms.

**Key words:** library and information library terms, borrowing, transcription, reproduction, retaining

**5. NÂNG CAO KỸ NĂNG VIẾT LUẬN TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN HỌC TRỰC TUYẾN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

(Improving English Essay Writing Skills for E-learning Students at Hanoi Open University)

**Phạm Thị Bích Diệp, Ngô Thị Thanh Thảo[[5]](#footnote-5)**

**Tóm tắt**:Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bài luận của sinh viên trực tuyến nhằm tăng hiệu quả dạy-học, và là căn cứ khoa học để thiết kế bộ hướng dẫn nhằm cải thiện kỹ năng viết luận tiếng Anh cho sinh viên. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình đã công bố, với thủ pháp thống kê, phân tích số liệu, khảo sát lỗi phổ biến trong bài luận học phần Viết 5 và Viết 6 năm 2019 của sinh viên trực tuyến và khảo sát giáo viên giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh. Kết quả khảo sát khẳng định vấn đề chính sinh viên thường gặp là bố cục bài, viết các nội dung khái quát như mở bài, câu chủ đề và viết đoạn kết, ngữ pháp và cấu trúc câu. Kết quả nghiên cứu có thể giúp giáo viên tiếng Anh hiểu rõ hơn các khó khăn của sinh viên học trực tuyến trong việc viết luận, các phương pháp có thể áp dụng, các công cụ có thể sử dụng để giúp việc giảng dạy tiếng Anh đạt hiệu quả cao.

**Từ khoá**: kỹ năng viết luận tiếng Anh, đánh giá, loại lỗi, phương pháp, bố cục, cấu trúc bài luận

**Abstract:** The study aimed at pinpointing factors that influence E-learning students’ writing skills to enhance the effectiveness of the teaching-learning process, and to serve as a scientific basis for the design of supplement materials for E-learning students to improve their English essay writing skills. The study used a qualitative analysis basing on published materials and reference books to investigate students’ writing errors in Writing 5 and Writing 6 tests in 2019. Findings confirmed essay organization, global writing skills, i.e. writing thesis statements, developing topic sentences, presenting conclusions as well as grammar and sentence structures are students’ major problems. The findings are supposed to assist teachers of English in understanding further students’ difficulties in writing essays, to opt practical methods and techniques in teaching the particular writing skills.

**Keywords**: English essay writing skills, assessment, errors, methods, organization, essay structure

**6. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TRỰC TUYẾN MÔN ĐẤT NƯỚC HỌC**

IMPROVING ONLINE TEACHING AND LEARNING ON ‘INTRODUCTION TO MAJOR ENGLISH-SPEAKING COUNTRIES’ STUDIES’

***Lê Thị Vy[[6]](#footnote-6)***

***Tóm tắt:*** *Công* nghệ phát triển đã mở ra nhiều hình thức để nâng cao chất lượng dạy và học môn tiếng Anh, đặc biệt ở Trường Đại học Mở Hà Nội, một trong những trường đại học hàng đầu ở Việt nam áp dụng công nghệ giảng dạy trực tuyến. Tuy nhiên, để có một cái nhìn cụ thể và áp dụng có hiệu quả việc giảng dạy và kiểm tra trực tuyến một môn học không phải là một điều dễ dàng. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích hiện trạng giảng dạy môn Đất Nước Học trực tuyến cho sinh viên chính quy tại khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Những số liệu thu thập được sẽ là cơ sở để đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy, học, và kiểm tra đánh giá môn học trực tuyến.

*Từ khóa*: giảng dạy trực tuyến, môn Đất Nước Học, kiểm tra đánh giá trực tuyến

**Abstract:** Technological development has opened many ways to improve the quality of online teaching and learning English, especially at Hanoi Open University, one of the leading universities in Vietnam to apply online teaching technologies. However, it is demanding to have a specific view and apply effectively the teaching, learning and testing of the subject online. In this study, the author analyzes the current state of online teaching and learning the subject ‘Introduction to Major English-Speaking Countries’ Studies’ for regular students at English Faculty, Hanoi Open University. The collected data will be the basis for offering a number of solutions to improve the quality of teaching, learning, testing and assessing the subject online.

**Keywords:** *online teaching and learning*, *Introduction to Major English-Speaking Countries’ Studies’, online testing and assessment*

**7. SỰ CHƯA THỐNG NHẤT GIỮA TÊN GỌI VÀ VAI TRÒ NGÔN NGỮ CỦA TIẾNG HÁN Ở VIỆT NAM**

THE INCONSISTENCY AMONG NAMES AND THE LANGUAGE STATUSES

OF CHINESE IN VIETNAM

**Nguyễn Thu Hằng[[7]](#footnote-7)**

**Tóm tắt:** Hiện nay, vai trò ngôn ngữ của tiếng Hán ở Việt Nam có thể chia thành ba loại chính: ngoại ngữ, ngôn ngữ lịch sử và ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Mỗi vai trò ngôn ngữ trên có thể được thể hiện bằng nhiều hơn một tên gọi, và một tên gọi có thể dùng để chỉ nhiều hơn một vai trò ngôn ngữ. Hiện tượng này không chỉ làm mờ đi ranh giới giữa các vai trò ngôn ngữ khác nhau, mà còn gây nên những hiểu nhầm không đáng có trong dư luận. Để các vai trò ngôn ngữ của tiếng Hán ở Việt Nam có thể tồn tại hoà thuận và làm đúng chức năng của mình, việc thống nhất tên gọi, sao cho một vai trò ngôn ngữ chỉ tương ứng với một tên gọi, sẽ là một biện pháp khá hiệu quả.

**Từ khoá:** tên gọi, vai trò ngôn ngữ, tiếng Hán

Abstract: Nowadays, the language status of Chinese in Vietnam can be classified into three main types: foreign language, historical language and minority language. However, each language status is described by many different names, and each name is also used for more than one specific type of language status. This situation not only makes the boundaries of different language statuses unclear, but also creates unneccesary misunderstanding in the society. In order for these language status to fulfill their function correctly and harmoniously, it is essential to setting consistency for the names of Chinese so that each name has only one corresponding language status.

**Keywords:** names, the language status, Chinese

**8. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NHÓM ĐỘNG TỪ “ANNOYING” TRONG TIẾNG ANH**

AN OVERVIEW STUDY OF ANNOYING VERB GROUP IN ENGLISH

**Phạm Thị Thu Hà[[8]](#footnote-8)**

**TÓM TẮT**: Bài viết này bước đầu khảo sát nhóm động từ “Annoying” trong tiếng Anh theo quan điểm của hai nhà ngôn ngữ học là M.A.K. Halliday (1985) và R.M.W Dixon (1991). Các phương pháp chính của nghiên cứu là miêu tả, so sánh, đối chiếu nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt, hướng tiếp cận của hai nhà ngôn ngữ học với nhóm động từ này. Kết quả nghiên cứu đưa ra những gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo về nhóm động từ trên, bên cạnh đó giúp cho người học và sử dụng tiếng Anh có thêm kiến thức về động từ tiếng Anhvà sử dụng chúng hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Động từ “Annoying”, khái niệm, đặc điểm, phân loại, so sánh

**Abstract:** This article primarily investigates the verb group "Annoying" in English from the viewpoint of two linguists, R.A.K. Halliday (1985) and Dixon (1991). The writer uses different research methods as description, comparison and contrasts to find out the approach of the two linguists with this verb group, and at the same time introduces the concept, structural characteristics, and classification of "Annoying" verb group. The research results will provide suggestions for further studies on the above verb group, in addition, help English learners and users have more knowledge of English verbs and use them more effectively.

**Keywords**: "Annoying" verb group, concepts, characteristics, classification, comparison

**9. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG KHỐI LIỆU VĂN BẢN TIẾNG ANH VỀ MARKETING**

INITIAL RESULTS OF BUILDING AN ENGLISH CORPUS OF ARKETING TEXTS

***Nguyễn Thị Hồng Hà***

***Tóm tắt*:** Vào thập niên 90 của thế kỷ 20, Ngôn ngữ học Khối liệu (Corpus Linguistics), những nghiên cứu về ngôn ngữ thông qua các tập hợp lớn gồm nhiều văn bản lưu trữ điện tử đã cung cấp cho ngành Nghiên cứu Dịch thuật các công cụ phân tích hữu hiệu. Các tập hợp đầu tiên về khối liệu dịch thuật được tạo ra và lưu trữ bằng máy tính trong thời gian này. Mona Baker và Sara Laviosa là những học giả đầu tiên xây dựng nên các khái niệm để phân tích những khối liệu dịch. Một trong những mục tiêu lớn của các nhà nghiên cứu là tách biệt những đặc điểm đặc biệt của ngôn ngữ bản dịch, những đặc điểm mà như Venuti nhận định ‘*không phải là kết quả của sự can thiệp ngôn ngữ bản gốc’* (Venuti, 2000: 336). Bài báo này điểm qua lý thuyết về các bước để xây dựng khối liệu và trình bày những kết quả bước đầu của việc xây dựng khối liệu văn bản tiếng Anh trong lĩnh vực marketing.

***Từ khóa:*** khối liệu, ngôn ngữ, văn bản điện tử, marketing, tập hợp

*Abstract:* Since the last decades of the 20th century, especially the 1990s Corpus Linguistics, the linguistic research via large computer-stored collections of texts, supplies effective analytical tools for translation studies. The first computerized corpora of translations were generated during the time, and the concepts to examine them were formulated by the pioneers scholars like Mona Baker and Sara Laviosa. One of the overacrching goals has been ‘to isolate the distinctive features of the language used in translations, features that are not the result of interference from the source language’ (Venuiti, 2000: 336). The theory of building a corpus is briefly presented in this article and initial results of building an English Corpus of Marketing texts (ECM) are also illustrated.

*Keywords*: corpus, linguistics, computer-stored texts, marketing, collections

**10. Ẩn dụ ý niệm “cảm xúc là chuyển động” thông qua những biểu đạt về cảm xúc trong một tác phẩm văn học Việt Nam**

*Conceptual metaphor “emotion is motion” via emotional expressions in a work of Vietnamese literature*

**Nguyễn Thị Thùy Linh[[9]](#footnote-9)**

**Tóm tắt:** Nằm trong khung nghiên cứu Lý thuyết Tri nhận về Ẩn dụ (Cognitive Theory of Metaphor) của Lakoff & Johnson (1980,1999, 2003), ***ẩn dụ cảm xúc*** nổi bật lên như là một trong những đề tài được nghiên cứu nhiều nhất (Kovecses 1986, 1988, 1990, 1995, 2000; Lakoff & Kovecses 1987a, 1987b). Từ góc nhìn của khoa học tri nhận (cognitive science) có thể thấy hầu như không có sự khác biệt giữa ẩn dụ trong văn học và trong đời thường. Cách mà con người tư duy và sử dụng ngôn ngữ, theo như Lakoff và Johnson nhận định, là được hình thành mang tính ẩn dụ ngay từ những trải nghiệm về những vận động cơ bản (basic kinesthetic experience) của cơ thể sống bên trong mỗi con người (Crane 2010, tr.104). Bài viết này nhằm khảo sát các diễn đạt về cảm xúc mang tính ẩn dụ có ứng với biểu thức “Cảm xúc là chuyển động” trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, một trong những tác phẩm “gây sốt” của nền Văn Học Việt Nam thế kỉ 21 và đã được chuyển thể thành phim bởi đạo diễn tài năng Voctor Vũ rất thành công năm 2015.

**Từ khóa:** *ẩn dụ cảm xúc, “cảm xúc là chuyển động”, cơ thể, biểu đạt về cảm xúc*

**Abstract:** Lying in Lakoff & Johnson’s Cognitive Theory of Metaphor (1980, 1999, 2003), emotion metaphor emerges as one of the most prominent topics to be chosen for studies (Kovecses, 1986, 1988, 1990, 1995, 2000; Lakoff & Kovecses 1987a, 1987b, …). From the perspective of cognitive science, it is possible to see that there seems not to have difference between literature’s metaphor and daily life’s one. The way people think and use languages, according to Lakoff and Johnson claim, is formed with metaphoric features right from basic kinesthetic experience of alive body within each human being (Crane 2010, p.104). This paper aims at examining metaphorical emotional expressions corresponding to the metaphor mapping “Emotion is motion”, discovered in Nguyen Nhat Anh’s “Yellow flowers on green grass”, one of the trigging literary works in the 21st Vietnamese Literature and it was also transformed into a film by the talented director Victor Vu in 2015.

**Keywords:** emotion metaphor, “emotion is motion”, body, emotional expressions

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)
4. [↑](#footnote-ref-4)
5. [↑](#footnote-ref-5)
6. [↑](#footnote-ref-6)
7. [↑](#footnote-ref-7)
8. [↑](#footnote-ref-8)
9. [↑](#footnote-ref-9)